

Số: /2023/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính Phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp, Khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định thu hồi đất trong trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 51 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 36, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng

01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

2. Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề áp dụng biện pháp đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê đất, thuê lại đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Bên thuê đất, thuê lại đất theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này; Doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; cơ quan tài nguyên và môi trường; kế hoạch và đầu tư; Ban quản lý Khu kinh tế và các cơ quan khác có liên quan như: công thương, xây dựng, thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Không đưa đất vào sử dụng* là bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng quá thời hạn so với thời hạn đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng.

2. *Chậm tiến độ sử dụng đất* là bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng.

3. *Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng* là đơn vị đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm kiểm tra, rà soát lập danh sách các trường hợp thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.

Điều 4. Rà soát, lập danh sách, công bố danh sách trên trang thông tin điện tử và thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm rà soát, lập danh sách các trường hợp thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP:

a) Tổ chức kiểm tra bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề;

b) Lập văn bản yêu cầu bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện các biện pháp để đưa đất vào sử dụng hoặc có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê đất, thuê lại đất; nội dung văn bản phải xác định cụ thể diện tích, tiến độ sử dụng đất;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra xác định hành vi không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất; doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm lập danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế và công bố công khai danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi báo cáo.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm công bố công khai danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề đã thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quyết định này mà bên thuê đất, thuê lại đất vẫn không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất thì doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phần hồ sơ gồm:

a) Báo cáo kèm theo danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất;

b) Văn bản yêu cầu bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện các biện pháp để đưa đất vào sử dụng giữa doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề với bên thuê đất, thuê lại đất;

c) Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính diện tích đất không đưa vào sử dụng: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất

1. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo kiểm tra hoặc kết luận thanh tra xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai của bên thuê đất, thuê lại đất. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thu hồi đất kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Báo cáo kiểm tra hoặc kết luận thanh tra xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai của bên thuê đất, thuê lại đất kèm theo Biên bản làm việc xác định hành vi vi phạm: 01 bản sao;

c) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);

d) Báo cáo của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề kèm theo danh sách bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất: 01 bản chính;

đ) Văn bản yêu cầu bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện các biện pháp để đưa đất vào sử dụng giữa doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề với bên thuê đất, thuê lại đất: 01 bản sao;

e) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 01 bản gốc (nếu có);

g) Hợp đồng cho thuê đất, thuê lại đất: 01 bản sao;

h) Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất: 01 bản chính.

2. Trình tự và thời gian giải quyết

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình; Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định thu hồi đất của bên thuê đất, thuê lại đất giao cho Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề để quản lý, xây dựng phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với trường hợp thuê đất, thuê lại đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014

1. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất:

Trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất của chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trước ngày 03 tháng 3 năm 2017 (ngày Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng 36 tháng so

với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất hoặc quá thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp các bên không có giao kết về tiến độ đưa đất vào sử dụng trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất mà không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo kiểm tra hoặc kết luận thanh tra xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai của bên thuê đất, thuê lại đất; Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị thu hồi đất kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Báo cáo của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề kèm theo danh sách các trường hợp thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng 36 tháng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất hoặc quá thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp các bên không có giao kết về tiến độ đưa đất vào sử dụng trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất mà không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng: 01 bản chính;

c) Biên bản làm việc xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai: 01 bản sao;

d) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);

đ) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 01 bản gốc (nếu có);

e) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 01 bản sao;

g) Hợp đồng cho thuê đất, thuê lại đất: 01 bản sao;

h) Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất: 01 bản chính.

2. Trình tự và thời gian giải quyết

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình; Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định thu hồi đất của bên thuê đất, thuê lại đất giao cho Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề để quản lý, xây dựng phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Việc xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan giữa chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra các trường hợp không đưa đất, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề;

b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất giao cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quyết định này;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bên thuê đất, thuê lại đất theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghiệp và khu kinh tế có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra các trường hợp không đưa đất, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và khu kinh tế;

b) Tham mưu, kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, có liên quan đến việc sử dụng đất của các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng và các tổ chức sử dụng đất trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

c) Chủ động phối hợp với các ngành có liên quan để hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và của Tỉnh về những vấn đề có liên quan đến công tác của ngành, phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về nội dung quản lý nhà nước của Ban Quản lý Khu kinh tế;

d) Tham mưu, kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những việc vượt quá thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế; cùng kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hay bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp với hệ thống pháp luật và tình hình thực tế ở địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc kiểm tra, thanh tra các trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao

kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh.

4. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm xem xét, truy thu nghĩa vụ tài chính của bên thuê đất, thuê lại đất theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) đối với trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất và các trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư không đúng mục đích sử dụng theo phê duyệt ban đầu trong cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn địa phương mình quản lý;

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, thanh tra đối với trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn địa phương mình quản lý.

6. Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng

a) Quản lý chặt chẽ quỹ đất thu hồi giao cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng quản lý, xây dựng phương án cho thuê đất, thuê lại đất nhằm đưa đất đai vào sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm;

b) Khi ký hợp đồng thuê đất, cho thuê lại đất phải xác định cụ thể tiến độ sử dụng đất tương ứng với tiến độ thực hiện dự án đầu tư và biện pháp xử lý nếu bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 51 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP; có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc bên thuê đất, thuê lại đất đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ đã giao kết trong hợp đồng;

c) Xem xét, kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm, Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Quản lý đất đai và công bố công khai diện tích đất chưa cho thuê, cho thuê lại trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

đ) Xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan với bên thuê đất, thuê lại đất theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2023 và thay thế Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các ban Đảng và Đoàn thể tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT + NC/KT.bnt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Tuấn